

**THÔNG TƯ**

**Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp**

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định danh mục vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và

tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp tại Việt Nam.

### **Điều 3. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam**

1. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tại Việt Nam (Danh mục vật liệu nổ công nghiệp) bao gồm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí và vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp mới chưa có trong Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này (không bao gồm vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí) gửi văn bản đăng ký đến Bộ Công Thương để công nhận kết quả đăng ký, xem xét và bổ sung vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp. Mẫu văn bản đăng ký quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Việc thử nghiệm, nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp mới thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp QCVN 01:2012/BCT.

4. Vật liệu nổ công nghiệp thực hiện ghi nhãn theo quy định của pháp luật hiện hành. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu phải ghi tên vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này và được phép ghi thêm tên thương mại của sản phẩm.

5. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

### **Điều 4. Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp**

Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 5. Giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp**

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
3. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.

4. Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
5. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp.
6. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
7. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
8. Giấy phép dịch vụ nổ mìn.

**Điều 6. Thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp**

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi:

a) Giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 1, 2, 3, 8 Điều 5 của Thông tư này;

b) Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối do Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hoặc các Bộ, ngành làm đại diện chủ sở hữu vốn, doanh nghiệp hoạt động dầu khí, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp hoặc tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học trừ tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Cục Hóa chất cấp, cấp đổi, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi giấy phép quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 5 của Thông tư này.

3. Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Sở Công Thương) cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn trừ các tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

4. Mẫu giấy phép, giấy chứng nhận theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Chương II**

### **CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

## **Điều 7. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu**

1. Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Cơ sở dữ liệu) do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý.

2. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả.

3. Việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phải đúng quy định của pháp luật, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, cá nhân được tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 8. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu**

1. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm phù hợp với kiến trúc hệ thống thông tin quốc gia, kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương, đáp ứng chuẩn về cơ sở dữ liệu và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật; tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

2. Thiết kế cấu trúc Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm việc mở rộng và phát triển.

3. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Hệ thống số hóa và tạo dựng nội dung số;

b) Hệ thống máy chủ (dịch vụ, quản trị);

c) Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu;

d) Hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;

đ) Hệ thống trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác và cập nhật thông tin;

e) Hệ thống cơ sở phần mềm hạ tầng.

## **Điều 9. Quản lý Cơ sở dữ liệu**

1. Cơ quan thực hiện chức năng đầu mối thông tin của Bộ Công Thương có trách nhiệm tổ chức thực hiện cập nhật thông tin của bộ, ngành, địa phương và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

2. Các tổ chức được giao xây dựng, quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu thành phần phải kiểm tra, xác thực nội dung thông tin do các tổ chức đầu mối thông tin

khoa học và công nghệ, các tổ chức và cá nhân khác cung cấp trước khi cập nhật vào Cơ sở dữ liệu; thực hiện việc cập nhật thông tin do mình quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

#### **Điều 10. Khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu**

1. Các tổ chức quy định tại Điều 20, 21 của Thông tư này được quyền khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu theo phân cấp.

2. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền tiếp cận và sử dụng miễn phí trên Cơ sở dữ liệu những thông tin sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp do các tổ chức sản xuất, nhập khẩu thuộc Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam, Danh mục tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

c) Số liệu thống kê tổng hợp về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

d) Thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3. Các tổ chức tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu được truy cập và khai thác Cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp đóng góp để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu của bộ, ngành và địa phương.

#### **Điều 11. Duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu**

Cơ quan quản lý và các cơ quan, tổ chức tham gia xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu có trách nhiệm bố trí nhân lực, cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí thường xuyên cho việc duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu.

#### **Điều 12. Vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm của Cơ sở dữ liệu**

Hoạt động vận hành, bảo trì, giám sát, nâng cấp Cơ sở dữ liệu bao gồm các nội dung:

1. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và môi trường tại trung tâm dữ liệu điện tử.

2. Thực hiện các biện pháp sao lưu để bảo đảm khả năng khôi phục hệ thống khi xảy ra sự cố. Dữ liệu sao lưu phải được bảo vệ an toàn, định kỳ kiểm tra và phục hồi thử hệ thống từ dữ liệu sao lưu để sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.